

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/DS - ST
Ngày 26 – 5 – 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Trung và ông Lê Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 1 - Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên
tòa:** Bà Kiều Hồng Nhung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 666/2025/TLST-DSST ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST – DSST ngày 22 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2026/QĐST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Châu Văn V; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Số nhà A, đường A, tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Nhật X; vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà A1, đường A, tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Châu Văn V trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 28/02/2025, giữa tôi và bà Nguyễn Thị Nhật X thỏa thuận với nhau về việc mua bán cà phê giống thực sinh. Theo đó, Nguyễn Thị Nhật X sẽ cung cấp cho tôi 20.000 (hai mươi ngàn) cây giống cà

phê TR4 thực sinh, nguồn gốc của Trung tâm N thuộc Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp E. Các bên thỏa thuận giá của Hợp đồng là 3.000 đồng/cây x 20.000 cây = 60.000.000 đồng. Tôi đặt cọc trước cho bà X số tiền 10.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời hạn giao cây là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, chất lượng cây khỏe mạnh, không bệnh tật. Nếu bên giao (bà Nguyễn Thị Nhật X) không giao đủ số lượng và chất lượng cây giống nêu trên thì sẽ chịu phạt số tiền 30.000.000 đồng. Ngược lại nếu bên mua (tôi – Châu Văn V) không thực hiện đúng hợp đồng thì sẽ mất số tiền cọc.

Sau khi thỏa thuận xong, bà X cho rằng dễ thuận tiện trong việc xuất hóa đơn thanh toán nên đã lập 02 Hợp đồng mua bán cà phê giống thực sinh. Mỗi hợp đồng đều thỏa thuận số lượng cà phê là 10.000 cây x 3.000 đồng/cây = 30.000.000 đồng, số tiền tôi đặt cọc trước cho bà X là 5.000.000 đồng/hợp đồng, thỏa thuận phạt đối với mỗi hợp đồng là 15.000.000 đồng. Cả hai hợp đồng nói trên bà Nguyễn Thị Nhật X đều ký tên xác nhận tại mục bên bán. Do cả 02 hợp đồng có nội dung giống hệt nhau nên sau đó để khỏi nhầm lẫn, tại Hợp đồng thứ hai, bà X có ghi chú thêm nội dung: Đây là hợp đồng thứ hai. Tổng hai hợp đồng là 60.000.000 đồng và số lượng 2 vạn cây, cả hai hợp đồng đã cọc 10.000.000 đồng, sai hợp đồng phạt tổng cả hai hợp đồng là 30.000.000 đồng. Sau khi viết thêm nội dung ghi chú, bà X có ký tên xác nhận tại mục người bán (bên A).

Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn 03 tháng như các bên đã thỏa thuận, bà Nguyễn Thị Nhật X không giao cho tôi đủ số lượng cà phê như đã thỏa thuận ban đầu. Qua tìm hiểu, tôi được biết bà Nguyễn Thị Nhật X chỉ mới nhập từ viện E về tổng số cây là 16.800 cây (được thể hiện bằng 02 hóa đơn giá trị gia tăng mà tôi cung cấp cho Tòa án). Như vậy, bà X chưa cung cấp cho tôi đủ số lượng cây như đã cam kết ban đầu, vi phạm hợp đồng mà 02 bên đã ký kết. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tôi khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau:

Tuyên hủy 02 hợp đồng mua bán cây giống thực sinh cùng ngày 28/02/2025 mà các bên đã ký kết.

Buộc bà Nguyễn Thị Nhật X phải trả cho tổng số tiền là 40.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng là số tiền tôi đã đặt cọc cho bà X và 30.000.000 đồng là tiền phạt cọc như các bên đã thỏa thuận.

Đối với người làm chứng là bà Nguyễn Thị H: Việc ký hợp đồng được thực hiện tại nhà của bà X. Tại thời điểm đó, trong nhà của bà X có một người phụ nữ. Sau khi các bên lập hợp đồng xong, bà Nguyễn Thị Nhật X ký tên xác nhận tại mục bên bán, sau đó, bà X có gọi người phụ nữ nói trên ra ký tên xác nhận tại mục người làm chứng. Khi đó, tôi mới biết người phụ nữ này tên là Nguyễn Thị

H, còn bà H là ai, địa chỉ ở đâu, có mối quan hệ như thế nào với bà X thì tôi không biết. Do đó, tôi không cung cấp được thông tin và địa chỉ của bà H cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật X tuy nhiên, bà X không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai hay văn bản nêu ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Văn V. Hủy giá trị pháp lý của 02 hợp đồng mua bán cà phê giống thực sinh cùng ngày 28/02/2025 giữa ông Châu Văn V và bà Nguyễn Thị Nhật X. Buộc bà Nguyễn Thị Nhật X phải trả cho ông Châu Văn V số tiền 40.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng là tiền đặt cọc và 30.000.000 đồng tiền phạt cọc.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nhật X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Châu Văn V khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán cà phê giống thực sinh đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật X, hiện cư trú tại số nhà A đường A, tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật X đã nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để phản đối lại những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thể hiện: Ngày 28/02/2025 giữa ông Châu Văn V và bà Nguyễn Thị Nhật X có xác lập 02 hợp đồng mua bán cây giống cà phê thực sinh với tổng số lượng là 20.000 cây, giá trị của hợp đồng là 60.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là 03 tháng. Ông V đặt cọc trước số tiền 10.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận trong trường hợp bên bán không giao đủ số lượng, chất lượng cây giống thì phải chịu phạt cọc số tiền 30.000.000 đồng.

Xét thấy, các hợp đồng giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên tham gia giao kết; nội dung hợp đồng thể hiện đầy đủ các điều khoản cơ bản như đối tượng của hợp đồng, số lượng hàng hóa, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn giao hàng, quyền và nghĩa vụ của các bên cũng như thỏa thuận về phạt cọc khi vi phạm nghĩa vụ. Do đó 02 hợp đồng mua bán cà phê giống thực sinh ngày 28/02/2025 giữa ông Châu Văn V với bà Nguyễn Thị Nhật X thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự.

Ông V cho rằng sau khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng, bà X không giao đủ số lượng cây giống như đã cam kết, thực tế bà X chỉ nhập về tổng cộng 16.800 cây theo các hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh mình đã thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng. Vì vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Nhật X đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận giữa các bên.

Do hợp đồng không được thực hiện đúng nội dung đã cam kết, mục đích giao kết hợp đồng của nguyên đơn không đạt được nên yêu cầu hủy hợp đồng của ông Châu Văn V là có căn cứ chấp nhận.

Do bà Nguyễn Thị Nhật X là người vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn V về việc buộc bà X phải trả lại cho ông V số tiền đã đặt cọc là 10.000.000 đồng và chịu phạt cọc tổng số tiền 30.000.000 đồng như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức: $5\% \times 40.000.000$ đồng = 2.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Châu Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 117, Điều 328, Điều 351, Điều 357, Điều 423, Điều 428, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn V.

- Hủy giá trị pháp lý của 02 Hợp đồng mua bán cà phê giống thực sinh cùng ngày 28/02/2025 giữa bên bán bà Nguyễn Thị Nhật X với bên mua ông Châu Văn V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Nhật X phải trả cho ông Châu Văn V tổng số tiền 40.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng là tiền đặt cọc và 30.000.000 đồng là tiền phạt cọc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Nhật X phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Châu Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tổng số tiền 1.650.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai số 0004933 ngày 27/11/2025 và 0000794 ngày 21/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hương Giang